

**KẾT QUẢ ĐIỂM THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẬC 2/6**  
**KỲ THI NGÀY 09/03/2025**

| TT | SBD   | Họ đệm           | Tên   | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Điểm |      |      |      | Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10 | Kết quả |           | Ghi chú |
|----|-------|------------------|-------|------------|------------|-----------|---------|------|------|------|------|-------------------------------------|---------|-----------|---------|
|    |       |                  |       |            |            |           |         | Nghe | Đọc  | Viết | HT   |                                     | Đạt     | Không đạt |         |
| 1  | A2001 | Đỗ Lâm Quỳnh     | Anh   | 12/05/2005 | Sóc Trăng  | Nữ        | Kinh    | 13,0 | 19,0 | 12,0 | 17,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 2  | A2002 | Nguyễn Ngọc Hiền | Anh   | 23/10/2003 | TP HCM     | Nữ        | Kinh    | 14,0 | 19,0 | 11,0 | 18,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 3  | A2003 | Lê Thị Ngọc      | Ánh   | 24/10/1979 | Quảng Bình | Nữ        | Kinh    | 15,0 | 17,0 | 12,0 | 22,0 | 6,5                                 | Đạt     |           |         |
| 4  | A2004 | Phạm Vũ          | Bảo   | 10/05/1995 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 12,0 | 17,0 | 12,0 | 21,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 5  | A2005 | Nguyễn Thị       | Bình  | 01/01/1975 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 11,0 | 24,0 | 13,0 | 14,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 6  | A2006 | Phạm Văn         | Bình  | 06/10/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 13,0 | 23,0 | 16,0 | 16,0 | 7,0                                 | Đạt     |           | Thi lại |
| 7  | A2007 | Phan Phú         | Bình  | 27/01/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 12,0 | 23,0 | 16,0 | 14,0 | 6,5                                 | Đạt     |           | Thi lại |
| 8  | A2008 | Võ Thanh         | Bình  | 24/04/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 14,0 | 23,0 | 18,0 | 14,0 | 7,0                                 | Đạt     |           | Thi lại |
| 9  | A2009 | Trần Đức         | Cường | 03/01/2004 | Gia Lai    | Nam       | Kinh    | 12,0 | 17,0 | 11,0 | 21,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 10 | A2010 | Nguyễn Thị Thúy  | Châu  | 25/12/1975 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 12,0 | 17,0 | 12,0 | 20,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 11 | A2011 | Lê Hoàng         | Chinh | 10/06/2002 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |      |      |      |      | 0,0                                 |         | Không đạt | Vắng    |
| 12 | A2012 | Huỳnh Bạch Thùy  | Dung  | 04/11/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 14,0 | 18,0 | 13,0 | 20,0 | 6,5                                 | Đạt     |           |         |
| 13 | A2013 | Trương Quốc      | Dương | 17/12/1995 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 12,0 | 18,0 | 12,0 | 18,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 14 | A2014 | Đinh Thị Kim     | Giang | 25/06/2004 | Quảng Ngãi | Nữ        | K'dong  | 12,0 | 17,0 | 14,0 | 16,0 | 6,0                                 |         | Không đạt | Thi lại |
| 15 | A2015 | Võ Duy           | Hiền  | 02/09/1982 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 12,0 | 18,0 | 11,0 | 15,0 | 5,5                                 |         | Không đạt | Thi lại |
| 16 | A2016 | Dương Thị Lệ     | Hòa   | 19/09/2005 | TP HCM     | Nữ        | Kinh    | 11,0 | 18,0 | 11,0 | 22,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 17 | A2017 | Nguyễn Huy       | Hoàng | 19/10/2005 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 12,0 | 19,0 | 14,0 | 22,0 | 6,5                                 | Đạt     |           |         |
| 18 | A2018 | Đinh Thị         | Huy   | 18/07/2004 | Quảng Ngãi | Nữ        | H're    | 11,0 | 19,0 | 13,0 | 15,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |

| TT | SBD   | Họ đệm            | Tên    | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Điểm |      |      |      | Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10 | Kết quả |           | Ghi chú |
|----|-------|-------------------|--------|------------|------------|-----------|---------|------|------|------|------|-------------------------------------|---------|-----------|---------|
|    |       |                   |        |            |            |           |         | Nghe | Đọc  | Viết | HT   |                                     | Đạt     | Không đạt |         |
| 19 | A2019 | Lê Thị Thu        | Hương  | 29/06/1987 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 9,0  | 20,0 | 18,0 | 15,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 20 | A2020 | Nguyễn Thị Thanh  | Hường  | 01/04/1982 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 12,0 | 20,0 | 18,0 | 16,0 | 6,5                                 | Đạt     |           |         |
| 21 | A2021 | Lê Thanh          | Khang  | 25/05/2005 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 13,0 | 18,0 | 10,0 | 18,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 22 | A2022 | Lê Thị            | Lâm    | 29/07/2005 | Bình Phước | Nữ        | Kinh    | 15,0 | 18,0 | 12,0 | 22,0 | 6,5                                 | Đạt     |           |         |
| 23 | A2023 | Nguyễn Phương     | Linh   | 06/10/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 14,0 | 17,0 | 15,0 | 23,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |         |
| 24 | A2024 | Trương Quang      | Long   | 08/01/1983 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 13,0 | 18,0 | 12,0 | 17,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 25 | A2025 | Phan Thị Mỹ       | Lợi    | 23/12/2004 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 13,0 | 18,0 | 12,0 | 16,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 26 | A2026 | Hồ Thị Phương     | My     | 20/07/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 14,0 | 17,0 | 12,0 | 16,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 27 | A2027 | Lê Thị Trà        | My     | 11/09/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 14,0 | 18,0 | 12,0 | 16,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 28 | A2028 | Trần Thị Hòa      | My     | 05/02/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 11,0 | 17,0 | 18,0 | 19,0 | 6,5                                 | Đạt     |           |         |
| 29 | A2029 | Lê                | Na     | 10/12/2005 | Gia Lai    | Nữ        | Kinh    | 10,0 | 21,0 | 16,0 | 19,0 | 6,5                                 | Đạt     |           |         |
| 30 | A2030 | Nguyễn Ly         | Na     | 06/05/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 15,0 | 22,0 | 15,0 | 15,0 | 6,5                                 | Đạt     |           |         |
| 31 | A2031 | Nguyễn Trung Hoài | Nam    | 19/06/2004 | Đắk Lắk    | Nam       | Kinh    | 20,0 | 21,0 | 15,0 | 15,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |         |
| 32 | A2032 | Đình Văn          | Nước   | 28/08/1971 | Quảng Ngãi | Nam       | H're    | 18,0 | 22,0 | 14,0 | 17,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |         |
| 33 | A2033 | Thới Thị Kim      | Ngân   | 21/06/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 20,0 | 23,0 | 16,0 | 22,0 | 8,0                                 | Đạt     |           |         |
| 34 | A2034 | Trần Thanh        | Ngân   | 15/08/2002 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 21,0 | 23,0 | 17,0 | 15,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |         |
| 35 | A2035 | Nguyễn Thị        | Nghiệp | 22/01/1992 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 15,0 | 22,0 | 15,0 | 17,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |         |
| 36 | A2036 | Nguyễn Bảo        | Ngọc   | 15/02/2004 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 14,0 | 23,0 | 18,0 | 17,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |         |
| 37 | A2037 | Phạm Bích         | Ngọc   | 07/12/2005 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 20,0 | 23,0 | 18,0 | 21,0 | 8,0                                 | Đạt     |           |         |
| 38 | A2038 | Đỗ Thành          | Nguyên | 23/09/2003 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 20,0 | 21,0 | 17,0 | 19,0 | 7,5                                 | Đạt     |           | Thi lại |
| 39 | A2039 | Lê Thị Thu        | Nguyệt | 20/08/1974 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 18,0 | 22,0 | 18,0 | 19,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |         |
| 40 | A2040 | Lê Thị            | Nhi    | 10/06/1975 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 8,0  | 22,0 | 16,0 | 15,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |         |
| 41 | A2041 | Trần Vy Hồng      | Như    | 06/07/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 14,0 | 22,0 | 20,0 | 17,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |         |
| 42 | A2042 | Nguyễn Thanh      | Phong  | 13/09/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 13,0 | 23,0 | 18,0 | 19,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |         |

| TT | SBD   | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Điểm |      |      |      | Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10 | Kết quả |           | Ghi chú        |
|----|-------|------------------|--------|------------|------------|-----------|---------|------|------|------|------|-------------------------------------|---------|-----------|----------------|
|    |       |                  |        |            |            |           |         | Nghe | Đọc  | Viết | HT   |                                     | Đạt     | Không đạt |                |
| 43 | A2043 | Đỗ Huỳnh Minh    | Phú    | 29/05/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    |      |      |      |      | 0,0                                 |         | Không đạt | Thi lại - Vắng |
| 44 | A2044 | Hồ Trọng         | Phú    | 15/05/1970 | Quảng Ngãi | Nam       | Co      | 10,0 | 20,0 | 17,0 | 15,0 | 6,0                                 |         | Không đạt |                |
| 45 | A2045 | Đoàn Thị Nhật    | Phương | 16/05/1975 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 15,0 | 21,0 | 17,0 | 15,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |                |
| 46 | A2046 | Trịnh Thị Mỹ     | Phương | 01/01/1996 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 15,0 | 22,0 | 17,0 | 18,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |                |
| 47 | A2047 | Đỗ Thị Kim       | Phượng | 19/08/1984 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 16,0 | 21,0 | 15,0 | 16,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |                |
| 48 | A2048 | Dương Đình       | Quang  | 25/10/2004 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 19,0 | 22,0 | 17,0 | 19,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |                |
| 49 | A2049 | Phạm Thị Kim     | Qui    | 15/08/2003 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 16,0 | 21,0 | 17,0 | 18,0 | 7,0                                 | Đạt     |           | Thi lại        |
| 50 | A2050 | Ngô Thị Thanh    | Quyên  | 04/11/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 15,0 | 20,0 | 14,0 | 18,0 | 6,5                                 | Đạt     |           |                |
| 51 | A2051 | Võ Hồng          | Quyên  | 18/02/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 18,0 | 22,0 | 18,0 | 20,0 | 8,0                                 | Đạt     |           |                |
| 52 | A2052 | Đinh Thị Như     | Quỳnh  | 14/09/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 17,0 | 22,0 | 19,0 | 20,0 | 8,0                                 | Đạt     |           |                |
| 53 | A2053 | Võ Thị Như       | Quỳnh  | 26/08/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 13,0 | 21,0 | 18,0 | 20,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |                |
| 54 | A2054 | Thới Thị         | Sâm    | 07/11/1995 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 12,0 | 23,0 | 19,0 | 20,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |                |
| 55 | A2055 | Nguyễn Đình      | Sinh   | 15/06/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 16,0 | 23,0 | 18,0 | 20,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |                |
| 56 | A2056 | Nguyễn Thị Quế   | Sương  | 07/03/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 16,0 | 23,0 | 19,0 | 22,0 | 8,0                                 | Đạt     |           |                |
| 57 | A2057 | Nguyễn Văn       | Tài    | 08/04/2004 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 19,0 | 22,0 | 18,0 | 14,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |                |
| 58 | A2058 | Đinh Thị         | Tiểu   | 16/02/2003 | Quảng Ngãi | Nữ        | H're    | 17,0 | 21,0 | 19,0 | 15,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |                |
| 59 | A2059 | Lê Văn           | Tính   | 16/10/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 18,0 | 21,0 | 18,0 | 15,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |                |
| 60 | A2060 | Võ Thị Thanh     | Tuyền  | 03/04/2000 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 17,0 | 22,0 | 18,0 | 17,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |                |
| 61 | A2061 | Hà Văn           | Thành  | 23/02/1999 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 19,0 | 21,0 | 18,0 | 20,0 | 8,0                                 | Đạt     |           |                |
| 62 | A2062 | Đinh Thị Thuyền  | Thảo   | 07/07/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | H're    | 21,0 | 22,0 | 19,0 | 18,0 | 8,0                                 | Đạt     |           |                |
| 63 | A2063 | Trần Quang       | Thắng  | 04/01/1988 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 20,0 | 22,0 | 19,0 | 20,0 | 8,0                                 | Đạt     |           |                |
| 64 | A2064 | Trương Thị Bích  | Thiệt  | 20/04/1981 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 12,0 | 21,0 | 18,0 | 20,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |                |
| 65 | A2065 | Trương Thị Quỳnh | Thoa   | 24/02/1996 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    |      |      |      |      | 0,0                                 |         | Không đạt | Vắng           |
| 66 | A2066 | Đỗ Thị           | Thu    | 16/02/1997 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 12,0 | 22,0 | 19,0 | 15,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |                |

| TT | SBD   | Họ đệm Tên      |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Điểm |      |      |      | Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10 | Kết quả |           | Ghi chú |
|----|-------|-----------------|--------|------------|------------|-----------|---------|------|------|------|------|-------------------------------------|---------|-----------|---------|
|    |       |                 |        |            |            |           |         | Nghe | Đọc  | Viết | HT   |                                     | Đạt     | Không đạt |         |
| 67 | A2067 | Đặng Hồng       | Thủy   | 14/08/1974 | Nam Định   | Nữ        | Kinh    | 14,0 | 20,0 | 15,0 | 18,0 | 6,5                                 | Đạt     |           |         |
| 68 | A2068 | Trần Nguyễn Anh | Thư    | 25/07/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 16,0 | 19,0 | 18,0 | 15,0 | 7,0                                 | Đạt     |           | Thi lại |
| 69 | A2069 | Lộ Thị Ngọc     | Trà    | 19/08/1989 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 22,0 | 21,0 | 19,0 | 14,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |         |
| 70 | A2070 | Phùng Thị Minh  | Trà    | 08/11/1975 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 22,0 | 21,0 | 20,0 | 16,0 | 8,0                                 | Đạt     |           |         |
| 71 | A2071 | Lê Thị Kiều     | Trang  | 24/05/1991 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 22,0 | 21,0 | 20,0 | 15,0 | 8,0                                 | Đạt     |           |         |
| 72 | A2072 | Trần Ngọc Bảo   | Trân   | 30/09/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 21,0 | 21,0 | 20,0 | 16,0 | 8,0                                 | Đạt     |           |         |
| 73 | A2073 | Nguyễn Ngọc     | Trí    | 24/08/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 21,0 | 20,0 | 19,0 | 23,0 | 8,5                                 | Đạt     |           |         |
| 74 | A2074 | Phan Hà Kiều    | Trinh  | 02/12/2003 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 20,0 | 22,0 | 18,0 | 20,0 | 8,0                                 | Đạt     |           |         |
| 75 | A2075 | Nguyễn Thị Kim  | Truyền | 08/11/1974 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 22,0 | 20,0 | 18,0 | 14,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |         |
| 76 | A2076 | Hồ Cẩm          | Vi     | 24/06/2004 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 18,0 | 22,0 | 19,0 | 16,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |         |
| 77 | A2077 | Huỳnh Văn       | Viễn   | 12/01/2004 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 17,0 | 21,0 | 18,0 | 14,0 | 7,0                                 | Đạt     |           |         |
| 78 | A2078 | Bùi Phạm Thảo   | Vy     | 01/09/2005 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 18,0 | 20,0 | 18,0 | 18,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |         |
| 79 | A2079 | Lê Doãn Thùy    | Vy     | 01/07/1995 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 17,0 | 22,0 | 20,0 | 15,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |         |
| 80 | A2080 | Nguyễn Tấn      | Ý      | 16/12/2003 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 14,0 | 23,0 | 18,0 | 17,0 | 7,0                                 | Đạt     |           | Thi lại |
| 81 | A2081 | Phan Thị        | Yến    | 02/04/1980 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 16,0 | 23,0 | 20,0 | 15,0 | 7,5                                 | Đạt     |           |         |

Danh sách này có: 81 thí sinh, trong đó số dự thi: 78 thí sinh, số vắng thi: 03 thí sinh.